

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày 26 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mạnh; Ông Hoàng Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (Đường B2, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2022/TLST- HS ngày 13 tháng 01 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Văn T** - Sinh ngày 01/7/1997 tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn T (đã chết) và bà Hà Thị L; Bị cáo có vợ là Lù Thị N và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số: 21/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng. Đã được xóa án

Bị bắt tạm giữ ngày 03/7/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

2. Họ và tên: **Nông Văn H** - Sinh ngày 24/6/1997 tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn H (đã chết) và bà Hà Thị H; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 05/7/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai

- *Bị hại:*

+ Chị Phạm Thị N - Nơi cư trú: Số nhà 002, đường Cốc Lếu, tổ 17, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

+ Anh Phạm Văn H - Nơi cư trú: Số nhà 028, đường Hoàng Liên, tổ 23, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Văn Đ - Nơi cư trú: Thôn Hoà Lạc, xã Thống Nhất, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/6/2021, Lương Văn T và Nông Văn H lên thành phố Lào Cai để tìm việc làm, H cùng T mượn xe máy Air blade của anh Bùi Xuân Bính là người quen của Nông Văn H để đi lại, do không có tiền tiêu xài nên H và T bàn bạc mang xe máy mượn được đi cầm cố lấy 5.000.000 đồng để tiêu xài. Do không có tiền để chuộc xe nên Lương Văn T bàn với Nông Văn H lên Lào Cai để thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Hồng Nhung ở đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai để ở và tìm xem có nhà nào ở gần nhà Nghỉ sơ hở thì trộm cắp tài sản, Nông Văn H đồng ý. Ngày 27/6/2021, Nông Văn H và Lương Văn T lên thành phố Lào Cai thuê phòng nghỉ tại tầng 3 nhà nghỉ Hồng Nhung, trong quá trình ở nhà nghỉ Lương Văn T đi ra ô thoáng ở tầng 3 nhà nghỉ Hồng Nhung phát hiện ngôi nhà 5 tầng sát cạnh phía sau nhà nghỉ Hồng Nhung có cánh cửa gắn tôn bằng dây thép có thể phá được. Đến đêm ngày 27/6/2021, Lương Văn T bảo với Nông Văn H là « bạn ở lại phòng nhé » H liền hiểu ý là T bảo H ở phòng đợi T đi trộm cắp tài sản, sau đó H ở phòng ngủ, T mang theo túi xách bên trong có một chiếc áo khoác có mũ, khẩu trang, tất chân sau đó chui qua cửa sổ ở tầng 3 nhà nghỉ Hồng Nhung rồi trèo lên tầng thượng ngôi nhà sát phía sau nhà nghỉ Hồng Nhung là ngôi nhà số 002, đường Cốc Lếu, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, Lương Văn T dùng tay tháo dây thép buộc tấm tôn chắn trên cánh cửa rồi thò tay vào bên trong mở chốt cửa, sau đó mặc áo khoác đội mũ, đeo khẩu trang, đi tất chân rồi mở cửa đi vào trong nhà, đi xuống tầng 1 vào khu vực bếp ăn phát hiện có 02 chiếc túi xách treo trên tường, T lục tìm lấy được số tiền 1.800.000 đồng, T đi ra phòng khách tìm tài sản thì nhìn thấy có nhiều tủ quầy bên trong có trưng bày nhiều đồng hồ đeo tay, kiểm tra thấy có một chiếc tủ không khóa T liền nhặt lấy 08 chiếc đồng hồ đeo tay nam các loại bỏ vào túi nilon nhặt ở gần đó. Sau

khi lấy được tài sản T đi ra theo lối cũ quay về nhà nghỉ, về đến phòng nghỉ T đưa cho H 800.000 đồng để H trả tiền nhà nghỉ. Đến sáng ngày 28/6/2021, Nông Văn H và Lương Văn T trả phòng nhà nghỉ rồi cùng nhau cầm 08 chiếc đồng hồ trộm cắp được mang về nhà ở xã X, huyện B. Đến nơi T đưa cho H 07 chiếc đồng hồ cầm xuống một cửa hàng đồng hồ ở số 10, ngõ 168, Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội bán nhưng cửa hàng chỉ mua 01 chiếc đồng hồ 12 con giáp với giá 9 triệu đồng, nhận được tiền Nông Văn H chuyển khoản cho T 8 triệu đồng để chuộc xe, 1 triệu đồng H tiêu xài cá nhân hết, số đồng hồ còn lại H gửi theo đường bưu điện về địa chỉ của nhà mình ở xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau đó 06 chiếc đồng hồ này bị thu giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 49 ngày 07/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Lào Cai kết luận: 08 chiếc đồng hồ trộm cắp ngày 28/6/2021, có trị giá 45.250.000 (bốn mươi năm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng

Đến ngày 01/7/2021, Nông Văn H lại cùng Lương Văn T đi lên Lào Cai thuê nhà nghỉ Hồng Nhung để tìm việc làm. Do cần tiền để tiêu sài và trả nợ, Lương Văn T nảy sinh ý định tiếp tục đột nhập vào số nhà 002 để lấy trộm tài sản. Đến đêm rạng sáng ngày 02/7/2021, Lương Văn T một mình mặc áo khoác, đội mũ, đeo khẩu trang bịt mặt tiếp tục đột nhập vào số nhà 002, đường Cốc Lếu, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, đi thẳng xuống phòng khách tầng 1 lấy trộm 29 chiếc đồng hồ đeo tay các loại. Sau khi lấy được đồng hồ mang về nhà nghỉ Hồng Nhung, đến khoảng 04 giờ T đi về đến phòng nghỉ, T dọn dẹp đồ để về Xuân Giao, lúc này H tỉnh dậy, T đã lấy ra 02 chiếc đồng hồ cho H sử dụng (ngày 02/7/2021, có lực lượng cảnh sát điều tra đến làm việc tại khu vực do sợ phát hiện nên H đã cho 02 chiếc đồng hồ trên vào 2 chiếc túi rồi thả từ cửa sổ phòng nghỉ vào khe giữa nhà nghỉ Hồng Nhung và nhà bên cạnh). Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 02/7/2021, Lương Văn T cầm theo số đồng hồ còn lại rồi đi về nhà bố mẹ vợ ở thôn Mường, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Tại đây T giấu 01 chiếc đồng hồ và vứt toàn bộ trang phục đã mặc khi trộm cắp và các kệ, giá đỡ trưng bày đồng hồ ở ven đường lối vào nhà. Sau đó T cầm theo 26 chiếc đồng hồ trộm cắp được bắt xe khách đi Hà Nội để bán. Khi đến Hà Nội, Lương Văn T đang đi lang thang để tìm nơi tiêu thụ thì bị tổ công tác của Công an phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội kiểm tra phát hiện.

Tại kết luận định giá tài sản số 49 ngày 07/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Lào Cai kết luận: 29 chiếc trộm cắp ngày 02/7/2021, có giá trị 278.910.000 (hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm mười nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 108/CT-VKS ngày 29/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố bị cáo Lương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nông Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ thực hiện hành vi của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 điều 173; Điều 17; Điều 58; Điểm điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo với mức án từ 09 năm đến 10 năm tù; Áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc Lương Văn T, Nông Văn H phải liên đới bồi thường cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ: 01 túi xách màu nâu, 01 khẩu trang y tế, 02 chiếc tất chân, 01 chiếc áo gió dài tay, 01 chiếc quần dài; 01 chiếc kim; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của Lương Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S ; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của Lương Văn T 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu KINYUED, của Nông Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 6A 16G màu vàng và 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HUBLOT.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà người bào chữa cho các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết còn hạn chế, không có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Áp dụng áp dụng điểm a khoản 3 điều 173; Điều 17; Điều 58; Điểm điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn T với mức án 07 tù; Áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn H với mức án 09 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Ngày 28/6/2021, Lương Văn T và Nông Văn H đã cùng nhau trộm cắp số tiền 1.800.000 đồng và 08 chiếc đồng hồ đeo tay các loại có trị giá là 45.250.000 đồng, đến ngày 02/7/2021 một mình Lương Văn T tiếp tục trộm cắp 29 chiếc đồng hồ đeo tay các loại có trị giá là 278.910.000 đồng của cửa hàng đồng hồ, kính mắt Trường Giang tại phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai với mục đích để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã cùng nhau trộm cắp số tiền 1.800.000 đồng và 08 chiếc đồng hồ đeo tay các loại có tổng trị giá là 45.250.000 đồng, riêng bị cáo Lương Văn T còn một mình trộm cắp 29 chiếc đồng hồ đeo tay các loại có tổng trị giá là 278.910.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Lương Văn T trộm cắp là 325.960.000 đồng, tổng giá trị tài sản Nông Văn H trộm cắp là 47.050.000 đồng. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 173 của Bộ luật Hình sự bị cáo Nông Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo, đối với Lương Văn T là người khởi xướng, rủ rê đồng bọn cùng thực hiện tội phạm, là người thực hành tích cực, do đó Lương Văn T phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với bị cáo Nông Văn H là người sau khi được Lương Văn T rủ trộm cắp tài sản vào ngày 28/6/2021, Nông Văn H đã đồng ý tham gia và là người trực tiếp mang số tài sản trộm cắp được để đi tiêu thụ, vì vậy, Nông Văn H phải chịu trách nhiệm thứ hai sau bị can Lương Văn T trong vụ án trộm cắp xảy ra ngày 28/6/2021.

Tại quyết định số 04/2021/HSST-QĐ ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai trả hồ sơ cho Viện kiểm sát đề nghị điều tra làm rõ việc Nông Văn H sử dụng 02 chiếc đồng hồ mà Lương Văn T trộm cắp được có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” hay không. Tại văn bản số 17/CT-VKS -TPLC ngày 10/01/2022 giữ nguyên quan điểm truy tố. Căn cứ khoản 1 điều 298 của bộ luật tố tụng hình sự quy định giới hạn của việc xét xử, tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử bị cáo Nông Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Do đó cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nông Văn H lần phạm tội này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, i khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lương Văn T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các bị cáo là người lao động tự do, không có việc làm ổn định, không có thu nhập gì. Vì vậy Hội đồng xét xử định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Tại phiên tòa đại diện người bào chữa đề nghị xét xử bị cáo Lương Văn T mức án 07 năm tù, xét xử bị cáo Nông Văn H với mức án 09 tháng tù. Xét thấy bị cáo T trộm cắp tài sản có trị giá là 325.960.000 đồng, bị cáo H trộm cắp tài sản có giá trị là 47.050.000 đồng vì vậy đề nghị của người bào chữa là nhẹ, Hội đồng xét xử cần cân nhắc xem xét một mức án phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Thị N là người bị trộm cắp 1.800.000 đồng, chị N đã nhận lại 250.000 đồng, số tiền còn lại chị N yêu cầu các bị cáo phải trả bồi thường. Bị hại anh Phạm Văn H bị các bị cáo trộm cắp 37 chiếc đồng hồ, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 34 chiếc, 03 chiếc đồng hồ không thu giữ được có tổng trị giá 29.500.000 đồng anh H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Người có quyền lợi liên quan anh Đỗ Văn Đ đã mua một chiếc điện thoại di động Iphone 5s của Lương Văn T số tiền 500.000 đồng, anh Đ đã giao nộp chiếc điện thoại này cho cơ quan điều tra, anh Đ yêu cầu Lương Văn T phải bồi thường số anh Đ bỏ ra để mua chiếc điện thoại. Xét yêu cầu đòi bồi thường của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra thu giữ tổng số 34 chiếc đồng hồ trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn H.

Ngoài ra còn thu giữ của Lương Văn T: 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu KINYUED; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu xám, 01 túi xách màu nâu, 01 khẩu trang y tế, 02 chiếc tất chân, 01 chiếc áo gió dài tay, 01 chiếc quần dài, 01 chiếc kim nhỏ đa năng. Cần thu tiêu huỷ: 01 túi xách màu nâu, 01 khẩu trang y tế, 02 chiếc tất chân, 01 chiếc áo gió dài tay, 01 chiếc quần dài, 01 chiếc kim nhỏ đa năng. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu xám do sử dụng vào việc phạm tội. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu KINYUED; Thu giữ của Nông Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 6A 16G màu vàng và 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HUBLLOT bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 điều 173; Điều 17; Điều 58; Điểm d khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Phạt bị cáo Lương Văn T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/7/2021

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm d khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Phạt bị cáo Nông Văn H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/7/2021

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc Lương Văn T, Nông Văn H phải liên đới bồi thường cho chị N số tiền 1.550.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 775.000 đồng (Bảy trăm bảy lăm nghìn đồng)

Buộc Lương Văn T, Nông Văn H phải liên đới bồi thường cho anh Phạm Văn H số tiền 24.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng)

Buộc bị cáo Lương Văn T phải bồi thường cho anh Phạm Văn H số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng); Bồi thường cho anh Đỗ Văn Đ số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 túi xách màu nâu, kích thước (50x25x20)cm; 01 khẩu trang y tế màu xanh đã qua sử dụng; 02 chiếc tất chân (01 chiếc có dòng chữ “BIZMEN”); 01 chiếc áo gió dài tay màu trắng đen có mũ, trên áo có dòng chữ “Made in Viet Nam”; 01 chiếc quần dài thô; 01 chiếc kim nhỏ đa năng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của Lương Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu xám, số IMEI 35880705674433, bên trong không lắp sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng sử dụng.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của Lương Văn T 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu KINYUED, đồng hồ cũ đã qua sử dụng

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của Nông Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 6A 16G màu vàng, số IMEI1: 865702047131342, số IMEI2: 865702047131359, bên trong lắp 02 sim số “0888408692”, “0565969693”, điện thoại cũ đã qua sử dụng, hai thẻ sim đã bị khoá và 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HUBLOT số hiệu 582666, dây da màu đen, mặt đồng hồ màu đen bạc, đồng hồ cũ đã qua sử dụng

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lương Văn T và bị cáo Nông Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lương Văn T phải chịu 913.750 đồng (Chín trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Nông Văn H phải chịu 638.750 đồng (Sáu trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Cơ quanĐT Công an TP;
- Cơ quan THA HS;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại, NLQ
- T.H.A DS;
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Lanh